

## **TUYỂN SINH HỌC KÌ 2 NĂM HỌC 2023**

**Điều kiện nhập học dành cho sinh viên ngoại quốc  
(Có bố mẹ là người nước ngoài)**



**KNU** 경북대학교  
KYUNGPOOK NATIONAL UNIVERSITY



## Mục lục



### **I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC GIA KYUNGPOOK**

1	Lịch sử trường .....	1
2	Tổng quan .....	1
3	Vị thế .....	1
4	Chương trình giáo dục dành cho sinh viên ngoại quốc .....	3

### **II. HƯỚNG DẪN THỦ TỤC NHẬP HỌC**

1	Quy trình xét tuyển .....	4
2	Thời gian tuyển sinh .....	4
3	Ngành học và số lượng tuyển sinh .....	5
4	Điều kiện ứng tuyển .....	8
5	Phương thức xét tuyển .....	10
6	Hồ sơ xét tuyển .....	12
7	Lệ phí xét tuyển .....	15
8	Các điểm cần chú ý .....	15
9	Học bổng .....	17
10	Học phí .....	17
11	Phí ký túc xá .....	18
12	Liên hệ .....	18

### **III. MỤC LỤC**

1	Trang web từng khoa .....	19
2	Vị trí và số điện thoại văn phòng từng khoa .....	21

# GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC GIA KYUNGPOOK

## 1 Lịch sử trường

- Năm 1946 được công nhận là trường Đại học quốc gia (Đại học Sư phạm Daegu, Đại học Y Daegu, Đại học Nông nghiệp Daegu.)
- Năm 1951 đổi tên thành trường đại học quốc gia Kyungpook (gồm khối ngành đại học sư phạm, đại học y, đại học nông nghiệp, khối ngành vật lý, đại học luật)
- Năm 1953 thiết lập chương trình Cao học.
- Tính đến thời điểm hiện tại năm 2023, trường hiện có 17 khối đại học, 3 phân khoa độc lập, 98 khoa và, 14 khối cao học, 139 cơ sở nghiên cứu.

## 2 Tổng quan khuôn viên trường.

- Gồm 4 cơ sở



●  
대구캠퍼스



●  
상주캠퍼스



●  
대구(칠곡)캠퍼스



●  
대구(동인동)캠퍼스

- Tổng số lượng sinh viên hiện có là 33.534 người, trong đó số sinh viên đại học là 27.337 người, số sinh viên cao học là 6.197 người, số sinh viên ngoại quốc là 1.977 người.
- Giáo sư chuyên nhiệm có 1.231 người, nhân viên có 1.163 người.

## 3 Vị thế

### ▸ Là trường Đại học được công nhận với :

- 8 năm liên tiếp được bộ giáo dục công nhận là **Cơ quan quản lý và duy trì tốt chương trình giáo dục đào tạo quốc tế hóa (IEQAS)** (Từ tháng 3/2015)
- **Top 1 các trường đại học công lập trong nước**

2022 ~ 2020	· Nằm trong bảng xếp hạng các trường Đại học thế giới có khả năng xin việc thành công (QS) do Anh bầu chọn
	· Xếp thứ 54 trong nhóm trường đại học tốt nhất thế giới (THE)
	· Được báo “US News & World Report” đánh giá là “Trường Đại học tốt nhất toàn cầu”
	· Đạt tỷ lệ trên 1% luận văn chuẩn thế giới theo đánh giá xếp hạng Leiden (tổng tỷ lệ đồng tác giả trong số các trường đại học tham gia phát biểu trên 5000 bài luận văn quốc tế)
	· Có số sinh viên đạt học bổng chính phủ nhiều nhất toàn quốc : 28 sinh viên thuộc
	· Là trường đại học top đầu theo đánh giá của trường Đại học giao thông Shang-hai, Trung Quốc
· Nằm trong bảng đánh giá các trường đại học của Trung tâm xếp hạng đại học thế giới (CWUR)	

### ► Là trường Đại học lấy học sinh làm trung tâm

- Tài trợ số tiền học bổng là 77 tỉ 300 triệu won cho 40.250 sinh viên (tỷ lệ nhận học bổng là 75.5%)
- Giới thiệu sinh viên sang các trường đại học danh giá của Mỹ học tập (Đại học Berkeley : 29 sinh viên, Đại học Wisconsin : 20 sinh viên, Đại học Yale : 17 sinh viên)
- Hoàn thành ứng dụng tích hợp KNUPIA cho toàn sinh viên (Thẻ sinh viên điện tử, Mã QR sử dụng các thiết bị trong trường, Cổng thông tin liên quan đến các hoạt động của nhà trường v.v)
- Trường đại học công lập duy nhất có trạm y tế thuộc cấp bệnh viện (Các bác sỹ chuyên môn trực tiếp khám bệnh và kê đơn)
- Tăng cường, đẩy mạnh giảm chi phí y tế cho toàn sinh viên : Khám sức khỏe miễn phí 2 lần cho sinh viên đang theo học

### ► Là trường Đại học nuôi dưỡng nhân tài

- Đào tạo tập trung trong lĩnh vực Nghiên cứu • Giáo dục Tổng hợp
  - Nghiên cứu : Trí tuệ nhân tạo, Y tế nhân sinh tổng hợp, Robot và hệ thống thông minh, Khí Hydro và năng lượng tái sinh mới, Khoa học máy tính tổng hợp dữ liệu, Tích hợp nông nghiệp sinh vật, Y học tâm lý nhân văn, Tổ hợp tích hợp biển Hwoandong, Viện nghiên cứu tổng hợp quy mô nhỏ
  - Giáo dục : Phát triển nông nghiệp Triều Tiên, Thông thương văn hóa phía bắc, Khoa kinh doanh, Khoa tâm lý, Khoa dinh dưỡng thực phẩm, Khoa Tin học.
- Là trường có số sinh viên tốt nghiệp xin được việc làm cao vượt trội
- Theo số liệu thống kê trong 2 năm trở lại đây, so với các trường khác thì số sinh viên trúng tuyển vào các doanh nghiệp tập đoàn lớn là 1278 người, số sinh viên đỗ vào cơ quan nhà nước là 680 người
- Vận hành trung tâm hỗ trợ tổng hợp cho học sinh : Tư vấn chương trình học tập cho tân sinh viên, Thực hiện chương trình để hạn chế số lượng học sinh bỏ học giữa chừng, Thực hiện chương trình hỗ trợ du học sinh thích ứng với cuộc sống học tập ở Đại học, Thực hiện chương trình tư vấn và giải thích về chương trình học cho sinh viên.

### ► Là trường Đại học có đội ngũ giáo sư chất lượng cao

- Là trường đứng đầu trong số các trường công lập có kết quả nghiên cứu đạt cấp SCI trên 1 giáo sư
- Là trường đứng đầu trong số các trường công lập có kết quả luận văn nghiên cứu quốc tế trên 1 giáo sư
- Giáo sư Lee Sang Moon – Khoa công nghệ điện tử : Được lựa chọn là nhà nghiên cứu thuộc top 1 có tầm ảnh hưởng lớn nhất thế giới (HCR) trong 3 năm liên tục (2018-2020)

- Giáo sư Jeong Sung Hwa – Khoa Hóa học: Được lựa chọn là nhà nghiên cứu thuộc top 1 có tầm ảnh hưởng lớn nhất thế giới (HCR) trong 4 năm liên tục (2018-2021)
- Giáo sư Kim Hong Ju – Khoa Vật Lý cùng 4 đồng nghiệp : có bài luận văn được đăng trên tạp chí nghiên cứu nổi tiếng nhất thế giới “Nature, Science” của thế giới

▶ **Là trường Đại học nhận được nhiều sự hỗ trợ từ Chính phủ**

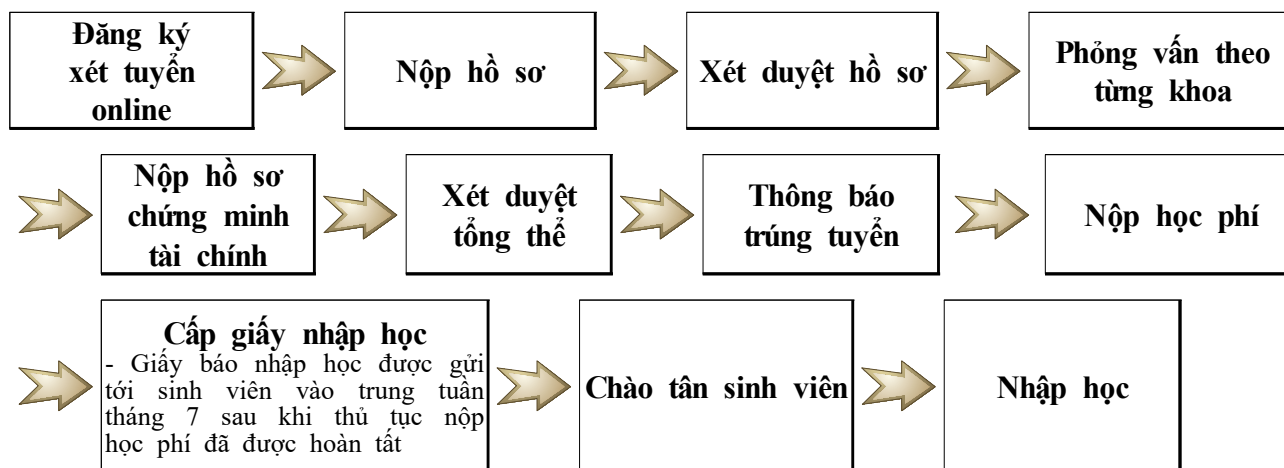
- Dự án đào tạo nhân tài của tổ chức giáo dục BK21 – BK21 giai đoạn 4 (2020.09~2021.08) với số tiền hỗ trợ là 146 tỉ 500 triệu won.
  - 21 đơn vị nghiên cứu giáo dục, 7 nhóm nghiên cứu giáo dục được lựa chọn.
- Đi đầu trong các dự án nghiên cứu, phát triển quy mô lớn
  - Tổng số tiền được đầu tư cho công tác nghiên cứu (ERC) : 239 tỉ 400 triệu won ứng với 24 dự án
- Là trường đại học đứng đầu với nguồn ngân sách hỗ trợ từ Nhà nước.

**4 Chương trình giáo dục dành cho sinh viên ngoại quốc**

- ▶ **Chương trình trải nghiệm văn hóa Hàn Quốc** : cung cấp cho sinh viên quốc tế các kiến thức về Hàn Quốc và cuộc sống sinh hoạt tại Hàn Quốc (Ví dụ: Tour tham quan Daegu, Trải nghiệm văn hóa, Ngày hội du học sinh, Cuộc thi nhảy K-pop v.v)
- ▶ **Chương trình Tutor** : hỗ trợ sinh viên quốc tế trong việc học tập tiếng Hàn và văn hóa Hàn cũng như giúp đỡ sinh viên quốc tế trong quá trình học tập tại trường thông qua hình thức ghép cặp 1:1 với sinh viên khóa trên
- ▶ **Chương trình hỗ trợ việc làm** : cung cấp các thông tin tuyển dụng, các cơ hội tham gia hội thảo tuyển dụng và thực tập thực tế trong và ngoài nước v.v
- ▶ **Chương trình “Chào tân sinh viên”**: cung cấp các thông tin cần thiết trong quá trình học tập cho sinh viên mới trước khi kì học đầu tiên bắt đầu
- ▶ **Chương trình “Chúc mừng sinh viên tốt nghiệp”** : khen thưởng và vinh danh sinh viên quốc tế hoàn thành chương trình đào tạo của trường vào cuối mỗi học kì
- ▶ **Chương trình quốc tế hóa** : sinh viên có cơ hội du học tại trường đại học đối tác thông qua chương trình trao đổi sinh viên, chương trình học hè Summer School
- ▶ **Chương trình tư vấn cho sinh viên quốc tế** : tư vấn, hỗ trợ khó khăn cho sinh viên quốc tế trong quá trình học tập thông qua hình thức tư vấn 1:1

## II Hướng dẫn thủ tục nhập học

### 1 Quy trình xét tuyển



### 2 Thời gian tuyển sinh

Nội dung		Thời gian	Ghi chú
Tiếp nhận hồ sơ	Đăng ký online	Từ 9h ngày 17/04/2023 (Thứ hai) ~ Đến 18h ngày 04/05/2023 (Thứ năm)	www.uwayapply.com
	Nộp hồ sơ trực tiếp	Từ 9h ngày 17/04/2023 (Thứ hai) ~ Đến 18h ngày 11/05/2023 (Thứ năm)	Văn phòng Quan hệ Quốc tế
Xét duyệt hồ sơ		Ngày 12/05/2023 (Thứ sáu) ~ ngày 23/05/2023 (Thứ ba)	Thông báo riêng tới từng sinh viên ứng tuyển
Phỏng vấn	Nguyện vọng 1	Ngày 24/05/2023 (Thứ tư) ~ ngày 02/06/2023 (Thứ sáu)	
	Nguyện vọng 2	Hạn cuối đến ngày 14/06/2023 (Thứ tư)	Áp dụng với sinh viên không trúng tuyển nguyện vọng 1
Nộp hồ sơ chứng minh tài chính		Hạn cuối đến ngày 23/06/2023 (Thứ sáu)	Áp dụng với sinh viên đã đỗ phỏng vấn
Nộp bằng thi TOPIK		(Kết quả kì 87) : trước 13h ngày 26/05/2023 (Thứ sáu) (Kết quả kì 88) : trước 13h ngày 23/06/2023 (Thứ sáu)	Áp dụng với thí sinh đã nộp phiếu dự thi khi xét tuyển nhập học
Xét duyệt tổng thể		Hạn cuối đến ngày 28/06/2023 (Thứ tư)	
Thông báo trúng tuyển		Dự kiến : ngày 04/07/2023 (Thứ ba)	Kết quả được thông báo qua Email cá nhân
Nộp học phí		Giữa tháng 07 năm 2023	Lịch chi tiết sẽ được thông báo sau
Cấp giấy báo nhập học		Giữa tháng 07 năm 2023 · Trường hợp thí sinh cư trú ở Hàn Quốc : thí sinh nhận trực tiếp tại phòng Quan hệ quốc tế · Trường hợp thí sinh ở nước ngoài : giấy báo nhập học được gửi về địa chỉ ghi trên đơn đăng ký	
Nộp bằng, học bạ đã hợp pháp hóa lãnh sự		Giữa tháng 07 năm 2023 (Trường hợp SV sắp tốt nghiệp : Hạn cuối đến ngày 25/08/2023 (Thứ sáu)	

### 3 Ngành học và số lượng tuyển sinh

1. Số lượng tuyển sinh: Dựa trên giới hạn của khoa (tuyển chọn đặc biệt ngoài số lượng sinh viên chính thức)

#### 2. Ngành học

Cơ sở Daegu

Khối ngành	Sinh viên mới nhập học (Các khoa được in đậm màu xanh là khoa được đăng ký nguyện vọng 2)		Sinh viên chuyển tiếp (không được đăng ký nguyện vọng 2)	
	Nhân văn	Ngôn ngữ văn học Hàn Quốc	Ngôn ngữ văn học Anh	Ngôn ngữ văn học Hàn Quốc
Sử học		Triết học	Sử học	Triết học
Ngôn ngữ văn học Pháp		Ngôn ngữ văn học Đức	Ngôn ngữ văn học Pháp	Ngôn ngữ văn học Đức
Ngôn ngữ văn học Trung		Khảo cổ học & Nhân học	Ngôn ngữ văn học Trung	Khảo cổ học & Nhân học
Ngôn ngữ văn học Nhật		Hán văn	Ngôn ngữ văn học Nhật	Hán văn
Ngôn ngữ văn học Nga			Ngôn ngữ văn học Nga	
Khoa học xã hội	Chính trị ngoại giao	Xã hội học	Chính trị ngoại giao	Xã hội học
	<b>Địa lý học</b>	Thư viện và Khoa học thông tin	Địa lý học	Thư viện và Khoa học thông tin
	Tâm lý học	Phúc lợi xã hội	Tâm lý học	Phúc lợi xã hội
	Quan hệ công chúng đa phương tiện		Quan hệ công chúng đa phương tiện	
Khoa học tự nhiên	<b>Toán học</b>	<b>Vật lý học</b>	Toán học	Vật lý học
	<b>Hóa học</b>	<b>Khoa học sinh học</b> (Chuyên ngành Công nghệ sinh học)	Hóa học	Khoa học sinh học (chuyên ngành Sinh vật học)
	<b>Khoa học hệ thống địa cầu</b>	Khoa học sinh học (Chuyên ngành Sinh vật học)	Khoa học sinh học (Chuyên ngành Công nghệ sinh học)	Thống kê
	<b>Thống kê</b>		Khoa học hệ thống địa cầu (chuyên ngành địa chất học)	Khoa học hệ thống địa cầu (chuyên ngành Thiên văn học)
			Khoa học hệ thống địa cầu (chuyên ngành hải dương học)	
<b>Kinh tế/ Quản trị kinh doanh</b>	Quản trị kinh doanh	Kinh tế thông thương	Quản trị kinh doanh	Kinh tế thông thương
Kỹ thuật	Khoa học và kỹ thuật vật liệu mới	Kỹ thuật cơ khí	Khoa học kỹ thuật và Vật liệu mới (chuyên ngành Khoa học Vật liệu & Kỹ thuật Luyện kim)	Khoa học kỹ thuật và Vật liệu mới (chuyên ngành Kỹ thuật Vật liệu Điện tử)
	Khoa kiến trúc (Chuyên ngành Kiến trúc học)	Kiến trúc (chuyên ngành kỹ thuật Kiến trúc)	Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật xây dựng cầu đường
	Kỹ thuật xây dựng cầu đường	Hóa học ứng dụng	Kiến trúc (chuyên ngành kỹ thuật kiến trúc)	Kiến trúc (chuyên ngành kiến trúc học)
	Kỹ thuật hóa học	<b>Công nghệ</b>	Kỹ thuật hóa học ứng	Kỹ thuật hóa học ứng

Khối ngành	Sinh viên mới nhập học (Các khoa được in đậm màu xanh là khoa được đăng ký nguyện vọng 2)		Sinh viên chuyển tiếp (không được đăng ký nguyện vọng 2)	
			<b>phân tử</b>	dụng (chuyên ngành ứng dụng hóa học)
	Công nghệ dệt may	Công nghệ môi trường	Công nghệ phân tử	Kỹ thuật hệ thống dệt may
	Công nghệ năng lượng		Khoa học môi trường	Công nghệ năng lượng
IT	Kỹ thuật điện tử	Kỹ thuật điện tử (Chuyên ngành trí tuệ nhân tạo)	Kỹ thuật điện tử	Công nghệ điện tử
	Khoa học máy tính (Chuyên ngành phần mềm Platform, Chuyên ngành Khoa học dữ liệu)	Khoa học máy tính (Chuyên ngành máy tính trí tuệ nhân tạo)	Khoa học máy tính	Khoa học máy tính (Chuyên ngành tích hợp ứng dụng toàn cầu)
	Khoa học máy tính (Chuyên ngành tích hợp ứng dụng toàn cầu)	Kỹ thuật điện		
Nông nghiệp & Khoa học đời sống	<b>ƆKhoa học sinh học ứng dụng</b>	<b>ƆThực vật dược</b>	Khoa học sinh học ứng dụng	Công nghệ thực phẩm
	<b>ƆCông nghệ thực phẩm</b>	<b>ƆKhoa học làm vườn</b>	Khoa học lâm nghiệp và Cảnh quan (chuyên ngành kỹ thuật lâm sản)	Khoa học lâm nghiệp và Cảnh quan (Chuyên ngành lâm sản)
	<b>ƆKhoa học lâm nghiệp và cảnh quan</b>	<b>ƆKhoa học sợi và vật liệu</b>	Khoa học lâm nghiệp và Cảnh quan (chuyên ngành tạo cảnh học)	Khoa học làm vườn
	<b>ƆĐất nông nghiệp và công nghệ công nghiệp sinh vật</b>	<b>ƆKinh tế tài nguyên lương thực</b>	Đất nông nghiệp và công nghệ công nghiệp sinh vật (Chuyên ngành Công nghệ máy móc trong công nghiệp sinh vật)	Đất nông nghiệp và công nghệ công nghiệp sinh vật (Chuyên ngành công nghệ đất nông nghiệp)
			Khoa học vật liệu và sợi sinh học	Kinh tế tài nguyên lương thực
Nghệ thuật	Âm nhạc	<b>ƆNhạc truyền thống</b>	Âm nhạc	Nhạc truyền thống
	Thiết kế	Mỹ thuật	Mỹ thuật	
Sư phạm	Sư phạm lịch sử		KHÔNG TUYỂN SINH	
Khoa học đời sống	Nghiên cứu trẻ em	May mặc	Nghiên cứu trẻ em (Chuyên ngành gia đình và trẻ em)	Nghiên cứu trẻ em (Chuyên ngành về trẻ em)
	Dinh dưỡng thực phẩm		May mặc	Dinh dưỡng thực phẩm
Hành chính công vụ	<b>ƆHành chính</b>		Hành chính	



□ Cơ sở Sangju : thuộc thành phố Sangju, Gyeongsang-buk

Khối ngành	Sinh viên mới nhập học (Các khoa được in đậm màu xanh là khoa được đăng ký nguyện vọng 2)		Sinh viên chuyển tiếp (không được đăng ký nguyện vọng 2)	
	Môi trường sinh thái	『Bảo vệ hệ sinh thái rừng』	『Tài nguyên thực vật』	Hệ thống môi trường sinh thái (chuyên ngành Môi trường tài nguyên thực vật)
『Khoa học sinh vật côn trùng』		『Chăn nuôi gia súc』	Môi trường và Du lịch sinh thái (chuyên ngành ứng dụng sinh vật)	Môi trường sinh thái và Du lịch sinh thái (Du lịch sinh thái)
『Khoa học sinh vật động vật』		『Động vật đặc thù/ Ngựa』	Động vật đặc thù/ ngựa	Thê dục
『Du lịch』		『Thê dục』	Chăn nuôi gia súc	Khoa học sinh vật động vật
Khoa học kỹ thuật	『Công nghệ phòng chống thiên tai và kiến thiết』	『Công nghệ môi trường an toàn』	Công nghệ phòng chống thiên tai và kiến thiết (Chuyên ngành công nghệ phòng chống thiên tai và kiến thiết)	Công nghệ phòng chống thiên tai và kiến thiết (Chuyên ngành công nghệ môi trường kiến thiết)
	『Công nghệ cơ khí tinh xảo』	『Công nghệ ô tô』	Công nghệ cơ khí tinh xảo	Công nghệ ô tô (Chuyên ngành ô tô thân thiện với môi trường)
	『Phần mềm』	『Công nghệ hóa học năng lượng vật liệu mới』	Công nghệ ô tô (Chuyên ngành ô tô thông minh)	Phần mềm
	『Công nghiệp dịch vụ thực phẩm ăn uống』	『Hệ thống thông tin định vị』	Công nghiệp dịch vụ thực phẩm ăn uống	Công nghệ hóa học năng lượng vật liệu mới (Chuyên ngành công nghệ hóa học năng lượng)
	『Công nghệ công trường hiện đại』	『Thiết kế thời trang may mặc (Chuyên ngành công nghệ may mặc)』	Công nghệ hóa học năng lượng vật liệu mới (Chuyên ngành công nghệ vật liệu mới)	Công nghệ hệ thống tổng hợp (Chuyên ngành hệ thống hàng không)
	『Thiết kế thời trang may mặc (Chuyên ngành Thiết kế thời trang)』		Công nghệ hệ thống tổng hợp (Chuyên ngành hệ thống công trường)	Thiết kế thời trang may mặc (Chuyên ngành thiết kế thời trang)
			Thiết kế thời trang may mặc (Chuyên ngành công nghệ may mặc)	

※ Lưu ý

- ① Đa phần các tiết học sẽ được giảng dạy bằng tiếng Hàn, ngoài ra có 1 số khoa giảng dạy bằng tiếng Anh (sinh viên muốn học bằng tiếng Anh trực tiếp đến văn phòng của khoa để được tư vấn riêng)
- ② Sinh viên mới nhập học có thể đăng ký được nguyện vọng 1 và nguyện vọng 2. Các khoa được đăng ký nguyện vọng 2 được ký hiệu bằng dấu 『 』 in đậm trong danh sách trên. (Sinh viên chuyển tiếp không thể đăng ký nguyện vọng 2.)
- ③ Khoa kiến trúc (Chuyên ngành kiến trúc học) học **5 năm**
- ④ Sinh viên nhập học vào các khoa sau đây bắt buộc phải hoàn thành chương trình chứng nhận đào tạo công nghệ (ABEEK).  
Kỹ thuật xây dựng thuộc khối công nghệ, Khoa học Kỹ thuật điện thuộc khối IT,

Khoa học máy tính (Chuyên ngành phần mềm nền tảng, Chuyên ngành Khoa học Dữ liệu) thuộc khối IT, Khoa Kỹ thuật Công nghiệp và Dân dụng Nông nghiệp sinh vật thuộc khối Khoa học đời sống nông nghiệp. Trường hợp là sinh viên chuyển tiếp, tùy theo quy định chứng nhận điểm và tín chỉ ở trường cũ, sinh viên có thể phải học thêm 1~2 học kì nữa thì mới được công nhận kết quả tốt nghiệp.

- ⑤ Khoa Hán Văn: **chỉ tuyển những học viên đang cư trú tại Hàn**, có thể tham dự phỏng vấn tuyển chọn tại khoa.
- ⑥ Các khoa Âm nhạc, Thiết kế và Mỹ thuật chỉ chấp nhận sinh viên mới nhập học vào tháng 3 hàng năm.
- ⑦ Theo quy định tuyển sinh của khoa Sư phạm và theo quy định của bộ giáo dục, tỷ lệ nhận sinh viên quốc tế không thể vượt quá 10% tổng số sinh viên Hàn Quốc ứng tuyển vào khoa hàng năm. Ứng viên chuyển tiếp (chuyển trường) không được đăng ký vào khoa này. Khoa chỉ nhận sinh viên mới nhập học.

#### 4 Điều kiện ứng tuyển

< Quy định về quốc tịch : >

Áp dụng cho cả sinh viên mới và sinh viên chuyển tiếp >

- Thí sinh và bố mẹ của thí sinh phải là người nước ngoài (Công nhận trường hợp cả thí sinh và bố mẹ thí sinh có quốc tịch nước ngoài tính đến trước ngày thí sinh bắt đầu chương trình giáo dục tương đương bậc trung học phổ thông tại Hàn Quốc)
- Thí sinh đa quốc tịch hoặc có quốc tịch Hàn Quốc không được phép ứng tuyển
- Điều kiện về quốc tịch được xét duyệt đến ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ xét tuyển

#### 1. Sinh viên mới nhập học

- Là những người đã tốt nghiệp cấp 3 đồng thời hoàn thành toàn bộ chương trình giáo dục tương đương bậc tiểu-trung học cơ sở của Hàn Quốc tại trong và ngoài nước (Bao gồm đối tượng sẽ tốt nghiệp vào tháng 8 năm 2023)
- ※ Không xét tuyển thí sinh thuộc diện hoàn thành chương trình đào tạo phi chính quy như học tại nhà hoặc, học trực tuyến và các chương trình ứng với kì thi đánh giá năng lực trong và ngoài nước.

Việc hoàn thành bậc trung học phổ thông được công nhận theo quy định sau

※ Theo điều 98 khoản 1 mục số 9 Luật Giáo dục cấp Tiểu-Trung học cơ sở (công nhận tốt nghiệp bậc Trung học phổ thông)

Năm giáo dục		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
<b>Quy định của Hàn Quốc</b>		Bậc Tiểu học				Bậc THCS				Bậc THPT				Bậc đại học			
<b>Giáo dục nước ngoài</b>	<b>12</b>	5 - 3 - 4 - 4 năm				5 năm				3 năm				4 năm			
	<b>13</b>	6 - 4 - 3 - 3 năm				6 năm				4 năm				3 năm			
	<b>11</b>	6 - 3 - 2 - 5 năm				6 năm				3 năm				2 năm*			
	<b>13</b>	2 - 4 - 3 - 4 - 3 năm				2 năm		4 năm		3 năm		4 năm				3 năm	
<b>12</b>	8 - 4 - 4 năm				8 năm				4 năm				4 năm				

- Công nhận trường hợp đã hoàn thành toàn bộ chương trình giáo dục bậc Tiểu học - THCS nước ngoài tại một quốc gia nhất định
- Trường hợp thí sinh học tập tại 2 quốc gia khác nhau : Chỉ công nhận đối tượng đã hoàn thành chương trình giáo dục hệ 12 năm (Hệ dưới 11 năm không được công nhận). Thí sinh đã tốt nghiệp hệ 11 năm cần học lại bậc THPT tại Hàn trước khi nhập học hoặc phải học chuyển tiếp

- Tuy nhiên, thí sinh đã tốt nghiệp hệ 11 năm sẽ **được công nhận như là một học sinh cấp 3** nếu thí sinh đó chỉ **học tập tại 1 quốc gia duy nhất trong suốt 3 năm cuối cùng của bậc Tiểu học-THCS**
- Ngoài ra, trường hợp đã theo học đại học tại nước tương ứng do thời gian đào tạo bị hạn chế bởi số năm học cũng được công nhận là hoàn thành bậc giáo dục cấp 3
- ※ Số năm chênh lệch giữa thời gian 12 năm mà bộ Giáo dục quy định với tổng số năm học của quốc gia tương ứng

□ **Thời điểm tiêu chuẩn công nhận thí sinh đã tốt nghiệp bậc THPT**

- Trước ngày bắt đầu học kì thuộc ngày nhập học do Nhà trường quy định. Tuy nhiên, quốc gia (Ví dụ : Nhật Bản) có ngày bắt đầu học kì và năm học theo quy định muộn hơn 1 tháng so với Hàn Quốc sẽ chỉ được công nhận ngoại lệ nếu đó là thời gian học tập tại trường quốc tế trong phạm vi 1 tháng học tập dự kiến.

## 2. Sinh viên chuyển tiếp

- A. **Chuyển tiếp hệ đại học** : Áp dụng với thí sinh đã có bằng đại học chính quy hệ 4 năm thuộc các trường Đại học trong và ngoài nước (Bao gồm thí sinh sẽ tốt nghiệp vào tháng 8 năm 2023)
- B. **Chuyển tiếp thông thường** : Áp dụng với thí sinh đã tốt nghiệp các trường Cao đẳng hệ 2 năm hoặc hệ 3 năm trong và ngoài nước (Bao gồm thí sinh sẽ tốt nghiệp vào tháng 8 năm 2023); hoặc với thí sinh đã hoàn thành 2 năm học (4 kì) thuộc các trường đại học đào tạo hệ 4 năm đồng thời đã tích lũy được tối thiểu 65 tín chỉ tại trường đại học.
- ※ Thí sinh không được học chuyển tiếp nếu đã hoàn thành 2 năm học tại trường đại học hệ 3 năm.
  - ※ Thí sinh theo học tại trường đại học không có chế độ tích lũy tín chỉ cũng không được đăng ký hệ chuyển tiếp.
  - ※ Kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ sinh viên đang theo học tại trường hoặc tạm nghỉ học cũng không được đăng ký hệ chuyển tiếp.
  - ※ Nhà trường không chấp nhận kết quả học tập dưới các hình thức như học tại nhà, học trực tuyến, chương trình giáo dục cho người lớn, và các kì thi đánh giá trong-ngoài nước.

## 3. Năng lực ngoại ngữ

- A. **Học viên muốn nộp hồ sơ nhập học một trong 16 ngành sau PHẢI nộp bằng TOPIK (năng lực tiếng Hàn) trước ngày 23/06/2023 (Thứ sáu)**
- ※ Thí sinh đăng ký dự thi kì thi 87 và kì thi 88 được phép nộp trước phiếu dự thi. Tuy nhiên thí sinh phải nộp lại bằng kết quả thi (Chứng chỉ TOPIK 3, 4 trở lên) vào trước 13h thứ Sáu ngày 23/06/2023

Khoa	Yêu cầu ngoại ngữ
Báo chí truyền thông / Kinh tế thông thương / Địa lý / Xã hội học / Mỹ thuật / Chính trị ngoại giao	Chứng chỉ TOPIK 3 trở lên
Ngôn ngữ Văn học Hàn / Ngôn ngữ Văn học Anh / Hán Văn / Triết học / Ngôn ngữ văn học Đức / Ngôn ngữ văn học Pháp / Phúc lợi xã hội / Khoa học máy tính(mọi chuyên ngành)	Chứng chỉ TOPIK 4 trở lên

Quản trị kinh doanh	Chứng chỉ TOPIK 4 trở lên hoặc Hoàn thành khóa học tiếng Hàn cấp 6 của Viện giáo dục tiếng Hàn trường Đại học Kyungpook
Hành chính	Chứng chỉ TOPIK 4 trở lên hoặc Hoàn thành khóa học tiếng Hàn cấp 6 tại các Viện Giáo dục tiếng Hàn của Hàn Quốc

**B. Ngoại trừ 16 khoa trên ứng viên cần đáp ứng một trong những yêu cầu về trình độ ngôn ngữ sau:**

- ① Chứng chỉ TOPIK cấp độ 3 trở lên
  - ※ Các ứng viên tham gia kỳ thi TOPIK lần thứ 87, 88 có thể nộp phiếu dự thi, nhưng vẫn phải nộp chứng chỉ cấp 3 trở lên **trước 13h thứ sáu ngày 23 tháng 06 năm 2022.**
- ② Chứng chỉ hoàn thành chương trình tiếng Hàn cấp 3 trở lên tại Viện giáo dục tiếng Hàn của một trường đại học trong nước.
  - ※ Áp dụng với thí sinh có chứng chỉ cấp 3 trở lên tính đến trước thứ Năm ngày 11 tháng 05 năm 2023
- ③ Nếu thí sinh có khả năng ngôn ngữ tiếng Hàn, nhưng không có bằng chứng chỉ tiếng Hàn, thí sinh có thể nộp kèm theo chứng chỉ trình độ tiếng Anh TOEFL iBT71, IELTS 5.5, CEFR B2 và NEW TEPS 326 trở lên
  - ※ Thí sinh có quốc tịch là các nước sử dụng tiếng Anh (Mỹ, Anh, Canada, Cộng hòa Nam Phi, New Zealand, Úc, Ireland) có thể nộp bằng tốt nghiệp hoặc bằng điểm thay cho chứng chỉ ngoại ngữ.
  - ※ Áp dụng với thí sinh có điểm ngoại ngữ tương ứng tính đến trước thứ Năm ngày 11 tháng 05 năm 2023

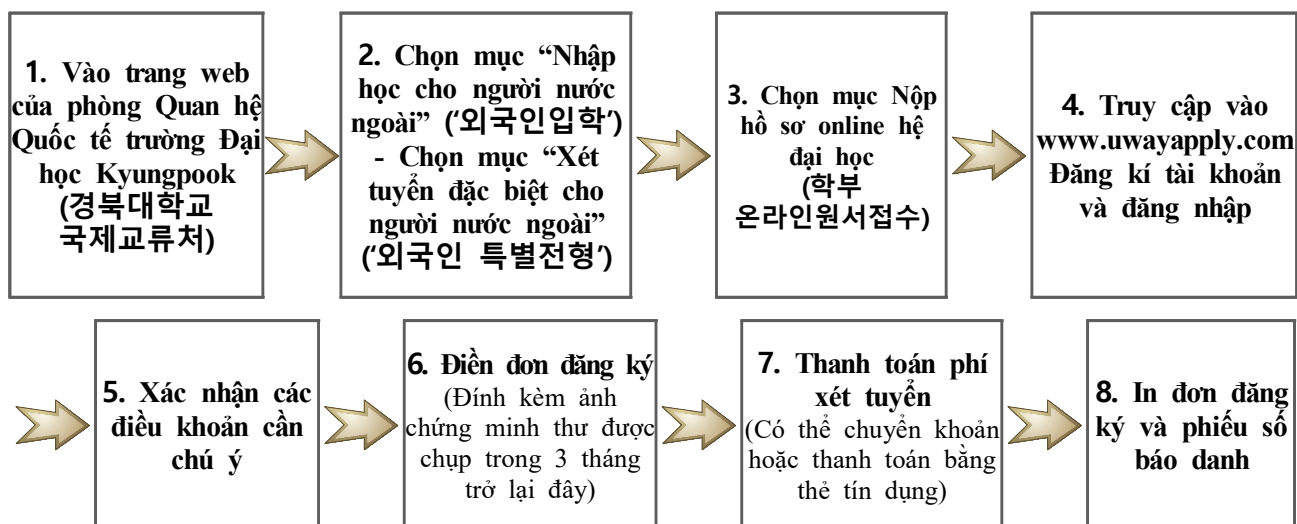
**5 Phương thức xét tuyển**

**1. Tiếp nhận hồ sơ**

**A. Tiếp nhận hồ sơ online**

- ① Thời hạn : Từ 9h thứ Hai ngày 17/04/2023 ~ Đến 18h thứ Sáu ngày 04/05/2023
- ② Địa chỉ đăng ký : Truy cập trang web Văn phòng Quan hệ Quốc tế  
(<https://international.knu.ac.kr>) – Phân nhập học dành cho sinh viên ngoại quốc (외국인 입학) – Xét tuyển đặc biệt dành cho sinh viên ngoại quốc (외국인 특별전형) – Chọn nộp hồ sơ online hệ đại học (학부 '온라인원서접수')
- ③ Số báo danh : Nhận số báo danh sau khi hoàn thành đăng ký hồ sơ online.

### ◆ Quy trình tiếp nhận hồ sơ online



- ▶ Thủ tục đăng ký chỉ được hoàn tất khi thí sinh đóng đủ phí xét tuyển. Sau khi phí xét tuyển được đóng hoàn tất thì thí sinh không thể sửa lại nội dung đơn đăng ký xét tuyển.
- ▶ Trường hợp đơn thí sinh hủy đơn đăng ký xét tuyển trước hạn cuối nộp hồ sơ (trước 18h ngày 04 tháng 05 năm 2023) thì phí xét tuyển sẽ được hoàn lại 100%. Ngược lại, phí xét tuyển sẽ không được hoàn lại nếu thí sinh hủy đơn đăng ký xét tuyển sau hạn nộp hồ sơ.
- ▶ Sau khi hoàn thành đăng ký xét tuyển, thí sinh cần in và bảo quản cẩn thận phiếu số báo danh của mình, đồng thời thí sinh **phải nhớ kỹ 5 số trong số báo danh của mình**.
- ▶ Sau khi đăng ký xét tuyển online, thí sinh sẽ bị loại xét tuyển nếu không nộp đầy đủ hồ sơ về trường trước hạn cuối nộp hồ sơ (hạn cuối đến 18 giờ ngày 11 tháng 05 năm 2023).
- ▶ Để tránh lỗi kỹ thuật xảy ra trong ngày cuối cùng đăng ký xét tuyển online, thí sinh nên chủ động hoàn thành đăng ký xét tuyển online trước ngày hết hạn đăng ký.
- ▶ Mọi thắc mắc liên quan đến việc đăng ký xét tuyển online, thí sinh có thể liên hệ tới số điện thoại : Công ty Cổ phần Uwayapply (주)유웨이어플라이) +82-1588-8988

### B. Nộp hồ sơ trực tiếp

- ① Thời hạn : Từ 9h thứ Hai ngày 17/04/2023 ~ Đến 18h thứ Năm ngày 11/05/2023
- ② Địa điểm : Tầng 2 Phòng Quan hệ quốc tế (첨성인미래관 2층)
- ③ Cách nộp : Thí sinh in phiếu đăng ký xét tuyển sau khi hoàn thành đăng ký xét tuyển online. Sau đó thí sinh nộp kèm phiếu đăng ký xét tuyển đó cùng với toàn bộ hồ sơ được liệt kê trong mục “**6** Hồ sơ xét tuyển”. (Hồ sơ chứng minh tài chính thí sinh nộp sau khi đã đỗ phỏng vấn)

## 2. Xét duyệt hồ sơ

- A. Thời hạn xét duyệt : Thứ Sáu ngày 12/05/2023 ~ Thứ Ba ngày 23/05/2023
- B. Phương thức xét duyệt : Xác nhận quốc tịch nước ngoài, học lực và năng lực ngoại ngữ của thí sinh và đánh giá “Đạt” hay “Không đạt”

### 3. Phỏng vấn (Theo từng khoa)

#### A. Thời gian phỏng vấn

① Nguyên vọng 1 : **Thứ Tư ngày 24/05/2023 ~ Thứ Sáu ngày 02/06/2023**

② Nguyên vọng 2 : **Hạn cuối đến thứ Tư ngày 14/06/2023**

#### B. Phương thức : Phỏng vấn trực tiếp hoặc phỏng vấn qua điện thoại (trực tuyến) theo từng khoa

① Các khoa thông báo trước tới thí sinh về thời gian và địa điểm phỏng vấn.

② Trường hợp sinh viên mới nhập học đăng ký 2 nguyện vọng, nếu sinh viên đó không đỗ nguyện vọng 1 sẽ được thông báo phỏng vấn nguyện vọng 2.

### 4. Thông báo trúng tuyển

#### A. Thời gian : Dự kiến vào thứ Ba ngày 04/07/2023

#### B. Kiểm tra kết quả : Kết quả được thông báo tới từng cá nhân qua email

## 6 Hồ sơ xét tuyển

### 1. Hồ sơ cần chuẩn bị

Hồ sơ	Mới nhập học	Chuyển tiếp	Lưu ý
① Đơn đăng ký xét tuyển	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	·Sau khi đăng kí online, thí sinh in đơn và nộp kèm theo
② Giấy giới thiệu bản thân và Bản kế hoạch học tập	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	·Theo mẫu (Thí sinh tải mẫu trên web trường hoặc trên uwayapply)
③ Bằng tốt nghiệp cấp Ba (hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời)	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	· <b>Giấy tờ bắt buộc phải có dấu hợp pháp hóa lãnh sự của đại sứ quán</b> · <b>Bảng điểm đại học</b> : Ghi rõ số tín chỉ và điểm số ứng với từng môn học
④ Bảng điểm 3 năm cấp 3	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	
⑤ Giấy xác nhận sinh viên hoặc bằng tốt nghiệp Đại học hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời	<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	
⑥ Bảng điểm đại học	<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	
⑦ Bản sao công chứng chứng chỉ ngoại ngữ (TOPIK, IELTS v.v) * <b>Chỉ công nhận kết quả thi được cấp sau ngày 17/04/2021</b>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	·Chỉ công nhận kết quả trong 2 năm gần nhất
⑧ Phiếu dự thi TOPIK kì 87 hoặc kì 88	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	·Thí sinh dự thi TOPIK kì thi 87 hoặc kì 88 bắt buộc phải nộp phiếu dự thi
⑨ Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học tiếng Hàn tại Viện giáo dục tiếng Hàn (hoặc giấy xác nhận đang theo học) và bảng điểm tương ứng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	·Thí sinh đang hoặc đã theo học tiếng Hàn tại Hàn Quốc bắt buộc phải nộp giấy tờ này
⑩ Bản photo hộ chiếu	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	·Tham khảo bên dưới
⑪ Bản photo thẻ cư trú người nước ngoài (gồm cả hai mặt trước và sau)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	·Chỉ áp dụng cho thí sinh đang sinh sống tại Hàn Quốc
⑫ Hộ khẩu, giấy khai sinh, CMT của bố mẹ và CMT của bản thân	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	·Tham khảo bên dưới

Hồ sơ	Mới nhập học	Chuyển tiếp	Lưu ý
13 Giấy thông báo trúng tuyển dự bị (điều kiện thi)	△	△	Tham khảo bên dưới

**\* Lưu ý**

- Tất cả hồ sơ liệt kê bên trên phải được gửi trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện về nhà trường (Không chấp nhận hồ sơ gửi qua email)
- Các giấy tờ cần được sắp xếp theo thứ tự như trên (Thí sinh tránh dùng ghim hoặc kẹp bấm)
- Hồ sơ chứng minh quốc tịch của bố mẹ và quan hệ gia đình

**<Hồ sơ chứng nhận quan hệ gia đình>**

**Đối với sinh viên Việt Nam : Sổ hộ khẩu và Giấy khai sinh**

- Là các giấy tờ biểu thị rõ quốc tịch của thí sinh và bố mẹ thí sinh, quan hệ gia đình giữa thí sinh và bố mẹ thí sinh. Các giấy tờ này bắt buộc phải được **dịch công chứng**.  
\* Trường hợp bản gốc là tiếng Anh hoặc tiếng Hàn thì thí sinh có thể nộp luôn bằng bản gốc.
  - Trường hợp bố mẹ qua đời hoặc bố mẹ ly hôn, thí sinh cũng cần nộp giấy tờ xác nhận kèm theo.
  - Trường hợp bố hoặc mẹ tái hôn với người Hàn, thí sinh cần nộp bổ sung giấy tờ xác nhận quan hệ nhận nuôi (ví dụ : Giấy xác nhận quan hệ gia đình với bố mẹ nhận nuôi, Hộ khẩu gia đình v.v)
- Đối với thí sinh đã tốt nghiệp tạm thời
    - **Bằng tốt nghiệp** : Khi đăng ký xét tuyển thí sinh có thể nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời do trường đang theo học cấp (Trên giấy phải ghi rõ ngày sẽ tốt nghiệp). Sau khi nhận kết quả trúng tuyển chính thức, thí sinh phải nộp Bằng tốt nghiệp chính thức (Cả bản gốc và bản công chứng) và Giấy tờ xác nhận về học lực (Trung Quốc – chứng nhận bởi cơ quan giám định học lực, Các nước khác – công chứng đại sứ quán) về phòng Quan hệ Quốc tế nhà trường, hạn cuối là giữa tháng 07 năm 2023
    - **Bảng điểm** : Khi đăng ký xét tuyển thí sinh cần nộp bảng điểm các môn học đã tích lũy tính đến trước ngày hết hạn nộp hồ sơ. Bảng điểm chính thức sau khi tốt nghiệp phải được gửi về phòng Quan hệ Quốc tế của nhà trường vào trước thứ Sáu ngày 25/08/2023
  - E. Hộ chiếu : Thí sinh nộp bản photo hộ chiếu còn thời hạn.
  - F. Trường hợp bản gốc các giấy tờ không được viết bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh, thí sinh cần nộp thêm các bản dịch công chứng tương ứng.
    - Nhà trường chỉ chấp nhận các bản công chứng **còn hạn 6 tháng** kể từ ngày nộp hồ sơ.

**2. Hồ sơ chứng minh tài chính**

- Đối tượng : Thí sinh đỗ phỏng vấn của khoa
- Thời hạn nộp : Từ ngày thông báo kết quả cho đến hạn cuối là thứ Sáu ngày 23/06/2023
- Hồ sơ cần nộp : Phải đáp ứng đủ một trong ① , ② , ③ điều kiện sau đây:
  - ① Chính minh tài chính: Nếu ứng viên tự chứng minh tài chính.

- Phải nộp giấy xác nhận số dư ngân hàng (bản gốc) đứng tên của **bản thân** với số tiền dư trong tài khoản phải ít nhất là 18.000 USD.
  - ※ Dựa theo nguyên tắc: Giấy xác nhận số dư ngân hàng được cấp trong vòng 30 ngày kể từ ngày nộp, tuy nhiên đối với các loại giấy tờ có thời hạn liên quan được ghi trên giấy chứng minh số dư ngân hàng, thì nhà trường chỉ chấp nhận những loại giấy tờ đó là có hiệu lực cho đến thời hạn được ghi trên giấy (tối đa trong vòng 6 tháng kể từ ngày cấp)
- ② Chính minh tài chính Nếu người bảo lãnh tài chính là cha mẹ:
  - Phải nộp bản gốc giấy xác nhận số dư ngân hàng (bản gốc) đứng tên của **cha mẹ** với số tiền dư trong tài khoản là 18.000 USD.
    - ※ Dựa theo nguyên tắc: Giấy xác nhận số dư ngân hàng được cấp trong vòng 30 ngày kể từ ngày nộp, tuy nhiên đối với các loại giấy tờ có thời hạn liên quan được ghi trên giấy chứng minh số dư ngân hàng, thì nhà trường chỉ chấp nhận những loại giấy tờ đó là có hiệu lực cho đến thời hạn được ghi trên giấy (tối đa trong vòng 6 tháng kể từ ngày cấp).
  - Bản sao Giấy chứng nhận việc làm và Giấy chứng nhận thu nhập hoặc bản photo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận nộp thuế từ người bảo lãnh tài chính của **cha mẹ**
    - ※ Chấp nhận giấy tờ được cấp trong vòng 30 ngày kể từ ngày nộp
    - ※ Với trường hợp cha mẹ đã qua đời, anh chị em ruột có thể đứng ra bảo lãnh tài chính. Hạn chế trường hợp người khác thay cha mẹ bảo lãnh tài chính trong trường hợp cha mẹ vẫn còn sống.
- ③ Giấy chứng nhận học bổng từ tổ chức khác:
  - Trường hợp ứng viên được hỗ trợ tài chính từ chính phủ hoặc cơ quan tổ chức quốc gia của mình
  - Trường hợp ứng viên được hỗ trợ tài chính từ tổ chức khác:
    - ※ Nếu tổng số tiền học bổng hoặc quỹ hỗ trợ dưới 18.000 USD, ứng viên sẽ phải bổ sung số tiền chứng minh tài chính còn lại theo hồ sơ đã nêu ở mục ① hoặc ② được đề cập trên đây.

### 3. Hồ sơ hợp pháp hóa lãnh sự:

- A. Đối tượng : Thí sinh đã trúng tuyển nhưng vì lý do là ‘sinh viên tốt nghiệp tạm thời’ nên trước đó chưa nộp hồ sơ đã được hợp pháp hóa lãnh sự
- B. Thời hạn nộp : Giữa tháng 07 năm 2023 (Thời gian cụ thể sẽ được thông báo sau)
  - ※ Thí sinh phải nộp đủ hồ sơ đã được hợp pháp hóa thì mới có thể nhận được giấy báo nhập học
  - ※ Kết quả nhập học sẽ bị hủy nếu thí sinh không nộp đủ hồ sơ hợp pháp hóa vào trước thứ Sáu ngày 25 tháng 08 năm 2023
  - ※ Áp dụng với thí sinh đã tốt nghiệp ở các trường không thuộc Hàn Quốc. Các thí sinh đã tốt nghiệp ở Hàn Quốc thì không cần nộp hồ sơ hợp pháp hóa này.
- C. Hồ sơ cần nộp: Các giấy tờ chứng nhận học lực, bằng điểm, bằng tốt nghiệp được đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc hoặc đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam xác nhận



## **7** Phí đăng ký tuyển sinh

1. Phí đăng ký: 80,000 won

2. Cách thanh toán:

A. Phí xét tuyển được thanh toán online thông qua hệ thống nhập đăng ký trực tuyến.

※ Vui lòng tham khảo các hướng dẫn cách thanh toán khi đăng ký online.

B. Nếu phí xét tuyển không được thanh toán trong thời gian đăng ký, đơn đăng ký sẽ tự động bị hủy.

C. Sau khi đã nộp phí, ứng viên sẽ nhận được số báo danh. Sau khi in giấy đăng ký, hệ thống tự động hoàn thành đăng ký, khi đã in giấy đăng ký ứng viên sẽ không thể sửa đổi nội dung trên đơn đăng ký.

3. Hoàn trả phí đăng ký tuyển sinh

A. Đối tượng : Thí sinh bị loại khỏi vòng xét duyệt hồ sơ.

B. Số tiền hoàn trả : 20.000 won

C. Cách hoàn trả : Tiền gửi lại vào số tài khoản cá nhân của thí sinh

※ Thí sinh bị loại khỏi vòng xét duyệt hồ sơ cần phải nộp bản sao sổ tài khoản ngân hàng mà cá nhân đang sử dụng ở Hàn Quốc cho Văn phòng Quan hệ Quốc tế trường vào **trước Thứ Sáu ngày 26/05/2023**. Trường hợp thí sinh không có sổ tài khoản ngân hàng ở Hàn Quốc, thí sinh có thể nộp bản sao sổ tài khoản của người thân. Việc hoàn trả phí đăng ký tuyển sinh không áp dụng với các sổ tài khoản ở nước ngoài.

## **8** Các điểm cần lưu ý

1. Tất cả các hồ sơ phải được dịch sang tiếng Hàn hoặc tiếng Anh, bản dịch phải kèm theo bản công chứng.

2. Nếu hồ sơ bị phát hiện là giả hoặc làm khác so với quy định của pháp luật, thí sinh sẽ bị hủy kết quả trúng tuyển và không được nhập học.

3. Để việc hướng dẫn nhập học được diễn ra thuận lợi, thí sinh cần ghi chính xác thông tin liên lạc trên giấy đăng ký nhập học (địa chỉ email, số điện thoại v.v). Nếu thí sinh ghi sai thông tin hoặc nhà trường không thể liên hệ được với thí sinh thì kết quả nhập học có thể bị hủy, và thí sinh phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự cố này.

4. Sau khi thí sinh đã nhận giấy báo trúng tuyển, kết quả nhập học cũng sẽ bị hủy trong trường hợp hồ sơ của thí sinh bị từ chối hợp pháp hóa hoặc trong trường hợp thí sinh không thể nhập cảnh vào Hàn Quốc do visa không được xét cấp.

5. Thí sinh nhận được học bổng trên 18000 đô la Mỹ từ một tổ chức khác không bắt buộc phải nộp giấy chứng nhận bảo lãnh tài chính; tuy nhiên, phải nộp giấy chứng nhận / thư xác nhận từ tổ chức trao học bổng về việc trợ cấp học phí trong suốt thời gian theo học tại trường.

6. Trường sẽ không hoàn trả lại hồ sơ và phí tuyển sinh đã nộp. (Chỉ hoàn trả lại bản gốc giấy chứng nhận tốt nghiệp.)

7. Trường hợp ứng viên được nhà trường đánh giá là không đủ năng lực học tập cũng có thể bị loại khi xét tuyển.

8. Theo quy định “Chứng nhận đủ tư cách tốt nghiệp” của trường Đại học Quốc gia Kyungpook, sinh viên quốc tế sau khi nhập học vào trường (trừ sinh viên chuyển tiếp),

sinh viên phải đạt được TOPIK 4 trở lên thì mới đủ điều kiện tốt nghiệp.

9. Sinh viên nước ngoài học tập tại Hàn Quốc bắt buộc tham gia đóng bảo hiểm Y tế. Theo ‘Luật Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân’ và ”Quy định thực hiện Luật Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân“, đồng thời tất cả sinh viên quốc tế tại Hàn Quốc phải đóng bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân theo diện đối tượng đóng bảo hiểm tại địa phương.
10. (Đối với thí sinh đã cư trú ở Hàn Quốc) Sau khi nhận được giấy thông báo nhập học của trường Đại học Kyungpook, thí sinh phải chuyển sang visa D-2-2, hạn cuối là trước ngày nhập học (Ngày 01 tháng 09 năm 2023). Ngoài ra thí sinh cũng cần phải trực tiếp liên hệ tới Cục xuất nhập cảnh để kiểm tra về việc đổi sang visa D-2-2 cũng như việc visa mà bản thân đang sở hữu có đáp ứng được điều kiện nhập học hay không. (Số điện thoại của Cục Xuất nhập cảnh ☎1345)
11. Các nội dung ngoài Quy chế tuyển sinh sẽ do phòng Quan hệ Quốc tế của Nhà trường giải quyết.
12. Bản Quy chế tuyển sinh này bao gồm bản tiếng Hàn, Anh, Trung và tiếng Việt. Trường hợp có sự sai khác giữa các bản dịch, bản tiếng Hàn được lấy làm bản chuẩn.
13. Nhà trường chỉ sử dụng thông tin cá nhân của thí sinh vào mục đích xét tuyển, tuyển sinh theo quy định như dưới đây:
  - Nội dung thông tin sử dụng: Họ tên, Mã số thẻ cư trú người nước ngoài, Số hộ chiếu, Địa chỉ nhà ở, Trường đã học, Số điện thoại nhà ở, Số di động, Địa chỉ Email, Điểm ngoại ngữ, Thời hạn cư trú và học tập ở nước ngoài, Số tài khoản v.v
  - Mục đích sử dụng thông tin : Phục vụ công tác tuyển sinh, quản lý visa và thời hạn cư trú, hướng dẫn nhập học, thông báo kế hoạch học tập, xét chọn học bổng và ký túc xá, thống kê v.v

Nơi nhận thông tin		Thông tin	Mục đích	Thời hạn
Trường Đại học Kyungpook	Nhà hiệu bộ (Phòng quản lý sinh viên, Phòng tài vụ v.v)	Họ tên, Mã số thẻ cư trú người nước ngoài, Địa chỉ cư trú, Số điện thoại, Nội dung tuyển sinh (Diện tuyển sinh, Khoa v.v), Điểm số, Trường đã theo học v.v	Quản lý hồ sơ sinh viên, Xét chọn học bổng, Thống kê và quản lý học phí v.v	Cho đến khi mục đích sử dụng thông tin được hoàn tất
	Các văn phòng khoa	Họ tên, Số điện thoại, Trường đã theo học, Điểm ngoại ngữ v.v	Phỏng vấn	
	Ký túc xá	Họ tên, Mã số thẻ cư trú người nước ngoài, Nội dung tuyển sinh (Diện xét tuyển, Khoa v.v) v.v	Xét chọn đối tượng được ở ký túc xá, Thông báo các quy định của ký túc xá	
	Trung tâm giáo dục ngôn ngữ	Họ tên, Số điện thoại, v.v	Thông báo về chương trình, các lớp học tiếng v.v	
	Trung tâm giáo dục IT	Họ tên, Số điện thoại, v.v	Thông báo về chương trình, các lớp học IT v.v	
Bên thứ 3	Cục Quản lý Xuất nhập cảnh	Họ tên, Mã số thẻ cư trú người nước ngoài, Địa chỉ cư trú, Số điện thoại, Nội dung tuyển sinh (Diện xét tuyển, Khoa v.v), Bảng điểm, Trường đã theo học v.v	Cấp giấy nhập học, Quản lý thời gian cư trú v.v	
	Hiệp hội giáo dục các trường Đại học Hàn Quốc	Họ tên, Mã số thẻ cư trú người nước ngoài, Nội dung tuyển sinh (Diện xét tuyển, Khoa v.v) v.v	Phục vụ công tác tuyển sinh chung	

## 9 Học bổng

### 1. Học bổng TOPIK dành cho sinh viên chuyển tiếp và sinh viên mới:

- A. Học viên có chứng chỉ TOPIK cấp 3: giảm 16~20% học phí cho học kỳ đầu tiên.
- B. Học viên có chứng chỉ TOPIK cấp 4: giảm 40~42% học phí cho học kỳ đầu tiên.
- C. Học viên có chứng chỉ TOPIK cấp 5: giảm 80~84% học phí cho học kỳ đầu tiên.
- D. Học viên có chứng chỉ TOPIK cấp 6: miễn toàn bộ học phí cho học kỳ đầu tiên.

### 2. Học bổng đã hoàn thành khóa học tiếng Hàn trường Đại học Quốc gia Kyungpook

○ Tính đến ngày cuối cùng nộp hồ sơ ứng tuyển (Ngày 11/05/2023), ứng viên hoàn thành 2 học kỳ trở lên tại khóa học tiếng Hàn Đại học Quốc gia Kyungpook sẽ được giảm học phí cho học kỳ đầu tiên (giảm khoảng 16~20%)

※ Tuy nhiên, sinh viên mới và sinh viên chuyển tiếp không thể nhận được đồng thời cả hai học bổng TOPIK và học bổng đã hoàn thành khóa học tiếng.

### 3. Học bổng TOPIK dành cho sinh viên đang theo học: Những sinh viên chưa có TOPIK hoặc mới có TOPIK cấp 3 nếu thi được TOPIK cấp 4 trở lên có thể nhận được học bổng bằng tiền mặt trị giá 500.000 won. (Lưu ý học bổng chỉ áp dụng một lần)

### 4. Học bổng thành tích học tập xuất sắc (sinh viên đang theo học, đánh giá dựa trên thành tích học kỳ trước)

- A. Top 7% sinh viên có điểm xuất sắc trong tổng số sinh viên ngoại quốc của từng khoa : nhận được học bổng 80~84% cho học kỳ sau.
- B. Top 8~37% sinh viên có điểm xuất sắc trong tổng số sinh viên ngoại quốc của từng khoa : nhận được học bổng 16~20% cho học kỳ sau.

### 5. Học bổng trợ cấp tiền ký túc xá : Sinh viên đăng ký ở ký túc xá sẽ được miễn phí phòng ký túc xá cho học kỳ đầu tiên. (không bao gồm tiền ăn)

※ Nhà trường sẽ tiến hành xét chọn những học viên được ở tại ký túc xá tùy theo mức kinh phí hiện có.

## 10 HỌC PHÍ (THEO KỲ) (Theo tiêu chuẩn năm 2023)

Cơ sở	Khối ngành	Khoa	Học phí (Won)
Daegu	Nhân văn/ Sư phạm	Các khoa	₩1,981,000
		Khảo cổ&Nhân học	₩2,028,500
	Khoa học tự nhiên / Khoa học đời sống	Các khoa	₩2,379,000
	Kinh tế / Hành chính	Các khoa	₩1,954,000
	Công nghệ / IT	Các khoa	₩2,531,000
	Khoa học đời sống nông nghiệp	Các khoa	₩2,379,000
		Kinh tế tài nguyên lương thực	₩1,981,000
	Khoa học xã hội	Các khoa	₩2,019,000
	Nghệ thuật	Các khoa	₩2,610,000
		Mỹ thuật	₩2,670,000

Sangju	Môi trường sinh thái	Các khoa	₩2,379,000
		Du lịch&Môi trường sinh thái (Chuyên ngành Du lịch sinh thái)	₩1,981,000
	Khoa học kỹ thuật	Các khoa	₩2,531,000
		Dịch vụ thực phẩm	₩2,379,000

※ Chi phí trên có thể thay đổi

### 11 PHÍ KÝ TÚC XÁ(Tính đến học kỳ 1 năm 2023)

Phí quản lý & Phí ăn		SỐ TIỀN(WON)				Ghi chú
		봉사·화목관	침성관			
			Học kỳ	Kì nghỉ hè	Kì nghỉ đông	
Phí quản lý	2 người/ 1 phòng	₩579.600	₩650.500	₩267.100	₩419.900	
Phí ăn(1 ngày 3 bữa)	Nhà hàng không hoạt động	₩920.700	₩531.900	₩450.900		Có thể lựa chọn số bữa (1~3 bữa/ngày)

※ Chi phí ghi trên có thể thay đổi

※ Homepage kí túc xá : <https://dorm.knu.ac.kr> (Cơ sở Daegu)

<https://dorm.knu.ac.kr/scdorm> (Cơ sở Sangju)

### 12 Địa chỉ nộp hồ sơ và giải đáp thắc mắc

1. Phụ trách: Cô Hyunju Seo, Văn phòng Quan hệ Quốc tế.
2. Địa chỉ: số 80 Daehak-ro, Buk-gu, thành phố Daegu, Hàn Quốc, Văn phòng Quan hệ Quốc tế, trường Đại học quốc gia KYUNGPOOK, tầng 2 tòa nhà Cheom-sung-in Mirae / Mã số bưu điện: 41566  
\* **Bằng tiếng Hàn** : 대한민국 대구광역시 북구 대학로 80번지 경북대학교 국제교류처(침성인 미래관 2층)/ 우편번호 : 41566
3. Điện thoại: Tel) 053-950-2434, Fax) 053-950-2419, Email) globalhj@knu.ac.kr
4. Thời gian làm việc: Từ thứ 2 đến thứ 6, từ 9 giờ sáng đến 6 giờ tối (thời gian nghỉ trưa từ 12 giờ trưa đến 1 giờ chiều)
5. Trang chủ trường Đại học quốc gia KYUNGPOOK:  
- <https://www.knu.ac.kr> (tiếng Hàn) <https://en.knu.ac.kr> (tiếng Anh)
6. Trang chủ Văn phòng Quan hệ Quốc tế trường Đại học quốc gia KYUNGPOOK:  
<https://international.knu.ac.kr>

### III Phụ lục

#### 1 Địa chỉ trang web các khoa

Khối ngành	Khoa (chuyên ngành)		Homepage
Nhân văn	Ngôn ngữ văn học Hàn Quốc		<a href="https://korean.knu.ac.kr">https://korean.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
	Ngôn ngữ văn học Anh		<a href="https://english.knu.ac.kr">https://english.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
	Sử học		<a href="https://khistory.knu.ac.kr">https://khistory.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
	Triết học		<a href="https://philosophy.knu.ac.kr">https://philosophy.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
	Ngôn ngữ văn học Pháp		<a href="https://france.knu.ac.kr">https://france.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
	Ngôn ngữ văn học Đức		<a href="https://german.knu.ac.kr">https://german.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
	Ngôn ngữ văn học Trung		<a href="https://chinese.knu.ac.kr">https://chinese.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, anh, trung)
	Khảo cổ học & Nhân chủng học		<a href="https://aran.knu.ac.kr">https://aran.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
	Ngôn ngữ văn học Nhật		<a href="https://japan.knu.ac.kr">https://japan.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn)
	Hán văn		<a href="https://hanmun.knu.ac.kr">https://hanmun.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
	Ngôn ngữ văn học Nga		<a href="https://knurussian.kr">https://knurussian.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
Xã hội	Chính trị và ngoại giao		<a href="https://politics.knu.ac.kr">https://politics.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
	Xã hội học		<a href="https://socio.knu.ac.kr">https://socio.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
	Địa lý học		<a href="https://geog.knu.ac.kr">https://geog.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
	Tâm lý học		<a href="https://psy.knu.ac.kr">https://psy.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
	Thư viện và khoa học thông tin		<a href="https://lis.knu.ac.kr">https://lis.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
	Phúc lợi xã hội		<a href="https://knusw.knu.ac.kr">https://knusw.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
	Quan hệ công chúng đa phương tiện		<a href="https://mediacomm.knu.ac.kr">https://mediacomm.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
Khoa học tự nhiên	Toán học		<a href="https://math.knu.ac.kr">https://math.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
	Vật lý		<a href="https://home.knu.ac.kr/HOME/physics">https://home.knu.ac.kr/HOME/physics</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
	Hóa học		<a href="https://chem.knu.ac.kr">https://chem.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
	Khoa học đời sống	Chuyên ngành Sinh vật học	<a href="https://bio.knu.ac.kr">https://bio.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
		Chuyên ngành công nghệ sinh học	<a href="https://biotech.knu.ac.kr">https://biotech.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
	Khoa học hệ thống địa cầu	Chuyên ngành Địa chất	<a href="https://geology.knu.ac.kr">https://geology.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
		Chuyên ngành khoa học Thiên văn	<a href="https://hanl.knu.ac.kr">https://hanl.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
		Chuyên ngành Hải dương học	<a href="https://ocean.knu.ac.kr">https://ocean.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
Thống kê		<a href="https://stat.knu.ac.kr">https://stat.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
Kinh tế	Kinh tế thông thương		<a href="https://econ.knu.ac.kr">https://econ.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
	Kinh doanh		<a href="https://biz.knu.ac.kr">https://biz.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
Công nghệ	Công nghệ vật liệu mới	Chuyên ngành vật liệu mới & kỹ thuật luyện kim	<a href="https://metal.knu.ac.kr">https://metal.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
		Chuyên ngành kỹ thuật vật liệu điện tử	<a href="https://emse.knu.ac.kr">https://emse.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
	Kỹ thuật máy móc		<a href="https://me.knu.ac.kr">https://me.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn)
	Hóa học ứng dụng		<a href="https://appchem.knu.ac.kr">https://appchem.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn)
	Công nghệ hóa học		<a href="https://chemeng.knu.ac.kr">https://chemeng.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
	Kiến trúc		<a href="https://arch.knu.ac.kr">https://arch.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
	Kỹ thuật đất đai		<a href="https://civil.knu.ac.kr">https://civil.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
	Công nghệ phân tử		<a href="https://polymer.knu.ac.kr">https://polymer.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
	Kỹ thuật hệ thống dệt may		<a href="https://textile-eng.knu.ac.kr">https://textile-eng.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn)
	Công nghệ môi trường		<a href="https://env.knu.ac.kr">https://env.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)
Công nghệ năng lượng		<a href="https://energy.knu.ac.kr">https://energy.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	

Khối ngành	Khoa (chuyên ngành)		Homepage	
IT	Kỹ thuật điện tử		<a href="https://see.knu.ac.kr">https://see.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
	Kỹ thuật điện tử (Chuyên ngành Trí tuệ nhân tạo)		<a href="https://ai.knu.ac.kr">https://ai.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn)	
	Khoa học máy tính		<a href="https://computer.knu.ac.kr">https://computer.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
	Kỹ thuật điện		<a href="https://electric.knu.ac.kr">https://electric.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
Nông nghiệp đời sống	Khoa học sinh học ứng dụng	Chuyên ngành môi trường hóa sinh	<a href="https://kac.knu.ac.kr">https://kac.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn)	
		Chuyên ngành khoa học sinh vật	<a href="https://pbs.knu.ac.kr">https://pbs.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn)	
	Thực vật dược		<a href="https://agbl.knu.ac.kr">https://agbl.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn)	
	Công nghệ thực phẩm		<a href="https://foodbio.knu.ac.kr">https://foodbio.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn)	
	Khoa học lâm nghiệp và tạo cảnh	Chuyên ngành lâm nghiệp	<a href="https://forestry.knu.ac.kr">https://forestry.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
		Chuyên ngành kỹ thuật lâm nghiệp	<a href="https://wood.knu.ac.kr">https://wood.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
		Chuyên ngành tạo cảnh	<a href="https://land.knu.ac.kr">https://land.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
	Kỹ thuật chăn nuôi trồng trọt		<a href="https://horti.knu.ac.kr/">https://horti.knu.ac.kr/</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
	Kỹ thuật khai thác sinh vật và đất nông nghiệp	Chuyên ngành kỹ thuật đất nông nghiệp	<a href="https://acen.knu.ac.kr">https://acen.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
		Chuyên ngành kỹ thuật khai thác sinh vật	<a href="https://bime.knu.ac.kr">https://bime.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
	Kỹ thuật vật liệu và sợi sinh học		<a href="https://biofiber.knu.ac.kr">https://biofiber.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn)	
	Kinh tế tài nguyên lương thực		<a href="https://frecon.knu.ac.kr">https://frecon.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
	Nghệ thuật	Âm nhạc		<a href="https://music.knu.ac.kr">https://music.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn)
		Nhạc cụ truyền thống		<a href="https://kmusic.knu.ac.kr">https://kmusic.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn)
Mỹ thuật		<a href="https://arts.knu.ac.kr">https://arts.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn)		
Thiết kế		<a href="https://vcd.knu.ac.kr">https://vcd.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)		
Sur phạm	Sur phạm lịch sử		<a href="https://hisedu.knu.ac.kr">https://hisedu.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
Khoa học đời sống	Nhi đồng học		<a href="https://child.knu.ac.kr">https://child.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
	May mặc		<a href="https://fashion.knu.ac.kr">https://fashion.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
	Dinh dưỡng thực phẩm		<a href="https://fsnu.knu.ac.kr">https://fsnu.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
Hành chính	Hành chính		<a href="https://puad.knu.ac.kr">https://puad.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
Môi trường sinh thái (Sangju)	Tài nguyên thực vật		<a href="https://scplant.knu.ac.kr">https://scplant.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
	Bảo vệ sinh thái lâm nghiệp		<a href="https://forest.knu.ac.kr">https://forest.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
	Khoa học sinh vật côn trùng		<a href="https://cee.knu.ac.kr">https://cee.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
	Du lịch		<a href="https://tour.knu.ac.kr">https://tour.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
	Thế dục		<a href="https://dols.knu.ac.kr">https://dols.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
	Chăn nuôi gia súc		<a href="https://ani.knu.ac.kr">https://ani.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
	Công nghệ sinh vật động vật		<a href="https://anibiotech.knu.ac.kr">https://anibiotech.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
	Động vật đặc thù/ Ngựa		<a href="https://axt.knu.ac.kr">https://axt.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
Khoa học kỹ thuật (Sangju)	Công nghệ phòng chống thiên tai và kiến thiết		<a href="https://disaster.knu.ac.kr">https://disaster.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
	Công nghệ an toàn môi trường		<a href="https://ue.knu.ac.kr">https://ue.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
	Công nghệ cơ khí tinh xảo		<a href="https://pme.knu.ac.kr">https://pme.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, anh)	
	Công nghệ ô tô		<a href="https://auto.knu.ac.kr">https://auto.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
	Phần mềm		<a href="https://se.knu.ac.kr">https://se.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
	Công nghệ hóa học năng lượng và vật liệu mới		<a href="https://emce.knu.ac.kr">https://emce.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn)	
	Công nghiệp dịch vụ ăn uống		<a href="https://ffsi.knu.ac.kr">https://ffsi.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
	Hệ thống thông tin định vị		<a href="https://lbis.knu.ac.kr">https://lbis.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn)	
	Công nghệ công trường hiện đại		<a href="https://cfse.knu.ac.kr">https://cfse.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn)	
	Thiết kế thời trang may mặc	Chuyên ngành kỹ thuật may	<a href="https://textile.knu.ac.kr">https://textile.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)	
Chuyên ngành thiết kế thời trang		<a href="https://style.knu.ac.kr">https://style.knu.ac.kr</a> (tiếng hàn, tiếng anh)		

2 Vị trí và số điện thoại văn phòng khoa  
(Mã quốc gia 82, Mã khu vực Daegu 053, Mã khu vực Sangju 054)

Khối ngành	Khoa (chuyên ngành)	Vị trí	Tòa nhà số	Điện thoại (Vui lòng kèm mã vùng mở đầu với 053)	
Nhân văn	Ngôn ngữ văn học Hàn Quốc	Tòa nhân văn phòng 406	104	950-5106	
	Ngôn ngữ văn học Anh	Tòa hệ cao học phòng 514	107	950-5120	
	Sử học	Tòa hệ cao học phòng 419		950-5135	
	Triết học	Tòa nhân văn phòng 410	104	950-5148	
	Ngôn ngữ văn học Pháp	Tòa hệ cao học phòng 417	107	950-5159	
	Ngôn ngữ văn học Đức	Tòa hệ cao học phòng 418		950-5169	
	Ngôn ngữ văn học Trung	Tòa hệ cao học phòng 402		950-5178	
	Khảo cổ học & Nhân chủng học	Tòa hệ cao học phòng 518		950-5186	
	Ngôn ngữ văn học Nhật	Tòa hệ cao học phòng 415		950-6150	
	Hán văn	Tòa hệ cao học phòng 404		950-6160	
	Ngôn ngữ văn học Nga	Tòa hệ cao học phòng 210		950-6170	
Xã hội	Chính trị và ngoại giao	Tòa xã hội học phòng 506	310	950-5206	
	Xã hội học	Tòa xã hội học phòng 414		950-5218	
	Địa lý học	Tòa xã hội học phòng 412		950-5227	
	Tâm lý học	Tòa xã hội học phòng 209		950-5244	
	Thư viện & Khoa học thông tin	Tòa xã hội học phòng 408		950-5236	
	Phúc lợi xã hội	Tòa xã hội học phòng 210		950-5251	
	Quan hệ công chúng đa phương tiện	Tòa xã hội học phòng 406		950-5259	
Khoa học tự nhiên	Toán học	Tòa khoa học tự nhiên phòng 304	209	950-5306	
	Vật lý	Tòa khoa học hội tụ tương lại 216	219	950-5316	
	Hóa học	Tòa hóa học phòng 207	407	950-5329	
	Khoa học sinh vật học	Chuyên ngành sinh vật học	Tòa sinh vật học phòng 215	217	950-5342
		Chuyên ngành công nghệ sinh học	Tòa khoa học hội tụ tương lại 312	219	950-6349
	Khoa học hệ thống trái đất	Chuyên ngành địa chất học	Tòa khoa học 2 phòng 113	210	950-5354
		Chuyên ngành khoa học thiên văn	Toà khoa học 2 phòng 314	210	950-6360
		Chuyên ngành hải dương học	Tòa công nghệ sinh học phòng 101-3	207	950-5396
Thống kê	Tòa khoa học tự nhiên phòng 404	209	950-5364		
Kinh tế/ Quản trị kinh doanh	Kinh tế thông thương	Tòa thương mại công nghiệp quốc tế phòng 105	309	950-5406, 5407	
	Quản trị kinh doanh	Tòa thương mại công nghiệp quốc tế phòng 317		950-5439, 5417	
Công nghệ	Kỹ thuật vật liệu mới	Chuyên ngành kỹ thuật luyện kim vật liệu mới	Tòa kỹ thuật số 3 phòng 509	409	950-5559
		Chuyên ngành kỹ thuật vật liệu điện tử	Tòa kỹ thuật số 8 phòng 215	419	950-5631
	Kỹ thuật máy móc	Tòa kỹ thuật số 3 phòng 311	409	950-5568, 5569	
	Chuyên ngành hóa học ứng dụng	Tòa kỹ thuật số 1 phòng 213	404	950-5581	

	Chuyên ngành kỹ thuật hóa học	Tòa kỹ thuật số 9 phòng 101	406	950-5615	
	Kiến trúc	Tòa kỹ thuật số 2 phòng 316	401	950-5590	
	Kỹ thuật phân tử	Tòa kỹ thuật số 9 phòng 119	406	950-5623	
	Công nghệ đất đai	Tòa kỹ thuật số 2 phòng 216	401	950-5607	
	Kỹ thuật hệ thống may	Tòa kỹ thuật số 1 phòng 315	404	950-5638	
	Công nghệ môi trường	Tòa kỹ thuật số 6 phòng 313	410	950-6580	
	Công nghệ năng lượng	Tòa kỹ thuật số 7 phòng 209	411	950-8970	
IT	Kỹ thuật điện tử	Tòa IT số 1 phòng 409	418	950-5506	
	Kỹ thuật máy tính	Tòa hội tụ IT	415	950-6420, 6509	
	Kỹ thuật điện	Tòa hội tụ IT		950-5600	
Khoa học đời sống nông nghiệp	Khoa học đời sống ứng dụng	Chuyên ngành môi trường hóa sinh	Tòa nông nghiệp số 1 phòng 405	201	950-5714
		Chuyên ngành khoa học sinh vật	Tòa nông nghiệp số 4 phòng 207	125	950-5706
	Thực vật dược		Tòa nông nghiệp số 2 phòng 209	203	950-5758
	Công nghệ thực phẩm	Chuyên ngành công nghệ sinh vật thực phẩm	Tòa nông nghiệp số 3 phòng 202	202	950-5772
		Chuyên ngành chất liệu thực phẩm	Tòa nông nghiệp số 3 phòng 328		950-5750
		Chuyên ngành kỹ thuật ứng dụng thực phẩm	Tòa nông nghiệp số 3 phòng 112		950-7761
	Khoa học lâm nghiệp và tạo cảnh	Chuyên ngành lâm nghiệp	Tòa nông nghiệp số 1 phòng 416	201	950-5744
		Chuyên ngành kỹ thuật lâm nghiệp	Tòa nông nghiệp số 3 phòng 403	202	950-5795
		Chuyên ngành tạo cảnh	Tòa nông nghiệp số 1 phòng 506	201	950-5779
	Trồng trọt		Tòa nông nghiệp số 4 phòng 409	125	950-5721
	Khai thác sinh vật và đất nông nghiệp	Chuyên ngành kỹ thuật đất nông nghiệp	Tòa nông nghiệp số 2 phòng 106	203	950-5730
		Chuyên ngành kỹ thuật khai thác sinh vật	Tòa nông nghiệp số 4 phòng 603	125	950-5790
	Công nghệ vật liệu và sợi sinh học		Tòa nông nghiệp số 2 phòng 309	203	950-5737
	Kinh tế nông nghiệp		Tòa nông nghiệp số 4 phòng 807	125	950-5765
	Nghệ thuật	Âm nhạc	Tòa nghệ thuật phòng 302	120	950-5656
Nhạc cụ truyền thống		Tòa nghệ thuật phòng 405	950-5670		
Mỹ thuật		Tòa tạo hình phòng 105	119	950-5680	
Thiết kế		Tòa tạo hình phòng 104-1		950-5694	
Sư phạm	Giáo dục lịch sử	Tòa sư phạm phòng 722	301	950-5848	
Khoa học đời sống	Nhi đồng học	Tòa khoa học đời sống phòng 214		950-6210	
	May mặc	Tòa khoa học đời sống phòng 313	307	950-6220	
	Dinh dưỡng thực phẩm	Tòa khoa học đời sống phòng 115		950-6230	
Hành chính	Hành chính	Tòa Cao học Luật phòng 113	311	950-5474	



<b>Khối ngành</b>	<b>Khoa (chuyên ngành)</b>	<b>Vị trí</b>	<b>Tòa nhà số</b>	<b>Điện thoại (Vui lòng kèm mã vùng mở đầu với 054)</b>	
<b>Môi trường sinh thái (Sangju)</b>	Tài nguyên thực vật	Tòa nhà số 6 phòng 112	06	530-1200	
	Bảo vệ sinh thái lâm nghiệp	Tòa nhà số 6 phòng 417		530-1240	
	Khoa học sinh vật côn trùng	Tòa nhà số 6 phòng 216	06	530-1210	
	Du lịch	Tòa hiệu bộ phòng 207	04	530-1380	
	Thể dục	Tòa nhà số 1 phòng 209	01	530-1430	
	Chăn nuôi gia súc	Tòa nhà số 6 phòng 323	06	530-1220	
	Công nghệ sinh vật động vật	Tòa nhà số 6 phòng 426		530-1940	
	Động vật đặc thù/ Ngựa	Tòa nhà số 6 phòng 327		530-1950	
<b>Khoa học kỹ thuật (Sangju)</b>	Công nghệ phòng chống thiên tai và kiến thiết	Tòa nhà số 7 phòng 210	07	530-1250	
	Công nghệ an toàn môi trường	Tòa nhà số 5 phòng 112	05	530-1440	
	Công nghệ cơ khí tinh xảo	Tòa nhà số 7 phòng 304	07	530-1270	
	Công nghệ ô tô	Chuyên ngành kỹ thuật ô tô thân thiện với môi trường	Tòa nhà số 2 phòng 305	02	530-1400
		Chuyên ngành kỹ thuật ô tô thông minh	Tòa nhà số 2 phòng 304		530-1136
	Phần mềm	Tòa nhà số 5 phòng 211	05	530-1450	
	Công nghiệp dịch vụ thực phẩm	Tòa nhà số 9 phòng 213	09	530-1300	
	Công nghệ vật liệu nano	Kỹ thuật vật liệu mới	Tòa nhà số 2 phòng 104	02	530-1410
		Công nghệ hóa học năng lượng	Tòa nhà số 7 phòng 418	07	530-1330
	Hệ thống thông tin định vị	Tòa nhà số 8 phòng 311	08	530-1490	
	Công nghệ công trường thông minh	Tòa nhà số 9 phòng 413	09	530-1480	
	Kỹ thuật dệt & Thiết kế thời trang	Chuyên ngành kỹ thuật dệt	Tòa nhà số 8 phòng 213	08	530-1280
		Chuyên ngành thiết kế thời trang	Tòa nhà số 9 phòng 311	09	530-1310